

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**Số: **6268**/BKHDĐT-QLQHV/v Báo cáo về công tác quy hoạch và
kết quả thực hiện Nghị quyết số
61/2022/QH15 của Quốc hộiHà Nội, ngày **06** tháng 9 năm 2022

Kính gửi:

- Các Bộ: Tài nguyên và Môi trường; Xây dựng; Quốc phòng; Công an; Ngoại giao; Tư pháp; Tài chính; Công Thương; Lao động – Thương binh và Xã hội; Giao thông vận tải; Thông tin và Truyền thông; Giáo dục và Đào tạo; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Y tế; Khoa học và Công nghệ; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Nội vụ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Ngày 26/8/2022, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 108/NQ-CP về thực hiện Nghị quyết số 61/NQ/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030; trong đó, Chính phủ giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương xây dựng Báo cáo về công tác quy hoạch và kết quả thực hiện Nghị quyết số 61/2022/QH15 của Quốc hội.

Để triển khai nhiệm vụ trên, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị Quý cơ quan chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan báo cáo về công tác quy hoạch và kết quả thực hiện Nghị quyết số 61/2022/QH15 của Quốc hội từ ngày 01/01/2022 đến nay theo nội dung tại Phụ lục đính kèm văn bản này. Đề nghị Quý cơ quan truy cập địa chỉ <https://quyhoachquocgia.mpi.gov.vn/Pages/tinvtb.aspx?idTin=470> để tải bản mềm các Phụ lục đính kèm.

Văn bản báo cáo của Quý cơ quan xin gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư **trước ngày 20 tháng 9 năm 2022** (bản điện tử xin gửi về địa chỉ e-mail: quynhanh98.mpi@gmail.com) để tổng hợp, trình Chính phủ xem xét và báo cáo Quốc hội tại Kỳ họp thứ 4 của Quốc hội khóa XV vào tháng 10 năm 2022. (Mọi chi tiết xin liên hệ về Vụ Quản lý quy hoạch, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, qua chuyên viên Nguyễn Thị Quỳnh Anh, điện thoại: 080.44140 hoặc 0904049885).

Bộ Kế hoạch và Đầu tư rất mong nhận được sự phối hợp của Quý cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phó Thủ tướng Lê Văn Thành;
- Bộ trưởng Nguyễn Chí Dũng (để b/c);
- Thứ trưởng Trần Quốc Phương (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu: VT, QLQH (N) **2**

TL. BỘ TRƯỞNG
CHÁNH VĂN PHÒNG



Nguyễn Văn Đoàn

PHỤ LỤC 1

**Đề cương Báo cáo về công tác quy hoạch năm 2022
và kết quả thực hiện Nghị quyết số 61/2022/QH15 của Quốc hội**
(Kèm theo văn bản số **62.68**./BKHTD-QLQH ngày **06** tháng 9 năm 2022
của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÔNG TÁC QUY HOẠCH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 61/2022/QH15 CỦA QUỐC HỘI

1. Về xây dựng, ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật về quy hoạch

1.1. Các văn bản do Bộ, cơ quan ngang Bộ chủ trì sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ (bao gồm việc sửa đổi các văn bản để đảm bảo sự đồng bộ với Luật Quy hoạch; tiêu chuẩn, quy chuẩn, kỹ thuật chuyên ngành về quy hoạch)

1.2. Việc phối hợp sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các văn bản khác để đảm bảo sự đồng bộ với Luật Quy hoạch

1.3. Đề xuất sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật về quy hoạch (nêu cụ thể quy định vướng mắc; phương án sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ)

2. Việc thực hiện và điều chỉnh quy hoạch thời kỳ 2011-2020 khi quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia chưa được quyết định/phê duyệt

2.1. Về việc tiếp tục thực hiện các quy hoạch nằm trong Danh mục quy hoạch tích hợp khi các quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia chưa được quyết định/phê duyệt

(Nêu thuận lợi, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và kiến nghị (nếu có))

2.2. Việc điều chỉnh nội dung các quy hoạch đã được quyết định hoặc phê duyệt trước ngày 01 tháng 01 năm 2019 theo quy định của pháp luật có liên quan trước ngày Luật Quy hoạch có hiệu lực thi hành khi quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia chưa được quyết định/phê duyệt

(Nêu cụ thể tên quy hoạch, căn cứ điều chỉnh quy hoạch, hình thức điều chỉnh, văn bản đồng ý chủ trương điều chỉnh và quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch (nếu có); nêu khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và kiến nghị (nếu có)).

3. Rà soát, bãi bỏ các quy hoạch về đầu tư phát triển hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm cụ thể, ấn định khối lượng, số lượng hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm được sản xuất, tiêu thụ đã được quyết định hoặc phê duyệt theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch và việc ban hành các điều kiện, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành để quản lý nhà nước khi các quy hoạch bị bãi bỏ và đánh giá tác động việc bãi bỏ các quy hoạch trên

3.1. Rà soát, bãi bỏ các quy hoạch về đầu tư phát triển hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm cụ thể, ấn định khối lượng, số lượng hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm được

sản xuất, tiêu thụ đã được quyết định hoặc phê duyệt theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch

(Nêu cụ thể tên quy hoạch bị bãi bỏ, cơ quan quyết định bãi bỏ, văn bản quyết định bãi bỏ, chính sách thay thế; nêu khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và kiến nghị (nếu có))

3.2. Việc ban hành các điều kiện, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành để quản lý nhà nước khi các quy hoạch bị bãi bỏ

(Văn bản ban hành, căn cứ ban hành; nêu khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và kiến nghị (nếu có)).

3.3. Đánh giá sơ bộ tác động việc bãi bỏ các quy hoạch về đầu tư phát triển hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm cụ thể, ấn định khối lượng, số lượng hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm được sản xuất, tiêu thụ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 của Luật Quy hoạch trong quản lý nhà nước hiện nay

(Tác động tích cực; tác động tiêu cực; kiến nghị).

4. Về lập, thẩm định và phê duyệt các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

4.1. Văn bản chỉ đạo, điều hành, đôn đốc thực hiện *(trong đó có việc xây dựng kế hoạch, lộ trình lập các quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030 theo Luật Quy hoạch bảo đảm khả thi và chất lượng)*

4.2. Việc lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch

(Nêu cụ thể tên quy hoạch, tình trạng thực hiện thủ tục lựa chọn, tên tư vấn lập quy hoạch đã được lựa chọn (nếu có); nêu khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và kiến nghị (nếu có)).

4.2.1. Lựa chọn theo hình thức đấu thầu

4.2.2. Lựa chọn theo hình thức chỉ định thầu

4.3. Tiến độ triển khai thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch

(Liệt kê các kết quả đạt được, tiến độ triển khai thực hiện các công việc theo nội dung tại Mục A Phụ lục 2 của văn bản này).

Dự kiến tiến độ hoàn thành so với Kế hoạch và tiến độ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch thời kỳ 2021-2030.

4.4. Đánh giá chung về kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của tồn tại hạn chế trong quá trình lập, thẩm định và phê duyệt các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

5. Về lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và quản lý nhà nước về quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và pháp luật về xây dựng

5.1. Văn bản chỉ đạo, điều hành, đơn đốc thực hiện

5.2. Vốn, nguồn vốn bố trí lập quy hoạch, tình hình giải ngân

5.3. Tiến độ lập, thẩm định, điều chỉnh quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn

(Liệt kê các kết quả thực hiện các công việc theo nội dung tại Mục B và Mục C Phụ lục 2 của văn bản này).

5.4. Đánh giá chung về kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của tồn tại, hạn chế trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh các quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn

6. Về lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành theo quy định của pháp luật có liên quan

6.1. Văn bản chỉ đạo, điều hành, đơn đốc thực hiện

6.2. Vốn, nguồn vốn bố trí lập quy hoạch, tình hình giải ngân

6.3. Tiến độ lập, thẩm định, điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành

6.4. Đánh giá chung về kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của tồn tại, hạn chế trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành

7. Về việc huy động và sử dụng nguồn lực của các tổ chức, cá nhân hỗ trợ cho hoạt động quy hoạch

Nêu khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và kiến nghị (nếu có)

8. Việc xây dựng, vận hành và khai thác Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch

8.1. Cập nhật thông tin và cơ sở dữ liệu theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.

8.2. Xây dựng, hoàn thiện, vận hành Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch

8.3. Công bố và cung cấp thông tin quy hoạch

9. Việc cải cách thủ tục hành chính; tổ chức thanh tra, kiểm tra, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về quy hoạch và giải pháp để khắc phục hạn chế trong hoạt động quy hoạch theo kết quả giám sát

(Nêu các văn bản chỉ đạo, điều hành và cụ thể các giải pháp đã thực hiện và kết quả; nêu khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và kiến nghị (nếu có)).

II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Về hoàn thiện chính sách, pháp luật về công tác quy hoạch

Liệt kê cụ thể các khó khăn, vướng mắc và đề xuất kiến nghị Phụ lục 3 của văn bản này.

2. Về thực hiện hiệu quả chính sách, pháp luật về công tác quy hoạch

3. Về các nội dung khác có liên quan



PHỤ LỤC 2

Kết quả lập, thẩm định, phê duyệt các quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch cấp quốc gia thời kỳ 2021-2030

(Kèm theo văn bản số 6268./BKHT-QLQH ngày 06.tháng 9 năm 2022
của Bộ Kế hoạch và Đầu tư) *W*

A. Kết quả lập, thẩm định và phê duyệt các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030

T T	Tên quy hoạch	Cơ quan lập quy hoạch	Số quyết định, thời gian và người phê duyệt Dự toán lập quy hoạch	Tư vấn lập quy hoạch		Cập nhật thời gian, tiến độ thực hiện				Kiến nghị, đề xuất (nếu có)
				Đã lựa chọn xong	Tên Tư vấn lập quy hoạch	Lập quy hoạch	Lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan	Trình thẩm định	Trình phê duyet	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)

B. Kết quả lập, thẩm định và phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch đô thị (báo cáo cụ thể theo các loại quy hoạch chung, phân khu, chi tiết, hạ tầng kỹ thuật đối với từng loại đô thị)

TT	Loại đô thị	Số lượng	Số lượng quy hoạch đang được lập mới	Số lượng quy hoạch đã được phê duyet	Số lượng quy hoạch đang tiến hành điều chỉnh		Số lượng quy hoạch đã được điều chỉnh	
					Tổng thể	Cục bộ	Tổng thể	Cục bộ

	Đặc biệt							
	Loại 1							
	Loại 2							
	Loại 3							
	Loại 4							
	Loại 5							

C. Kết quả lập, thẩm định và phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch nông thôn

TT	Loại đô thị	Số lượng	Số lượng quy hoạch đang được lập mới	Số lượng quy hoạch đã được phê duyệt	Số lượng quy hoạch đang tiến hành điều chỉnh		Số lượng quy hoạch đã được điều chỉnh	
					Tổng thể	Cục bộ	Tổng thể	Cục bộ



PHỤ LỤC 3

Rà soát khó khăn, vướng mắc của các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về công tác quy hoạch và kiến nghị sửa đổi, bổ sung

*(Kèm theo văn bản số **6268**../BKHĐT-QLQH ngày **06**..tháng 9 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

TT	Tên văn bản	Nội dung	Khó khăn, vướng mắc	Kiến nghị	Ghi chú
I	Rà soát khó khăn, vướng mắc trong quá trình áp dụng các quy định của Luật Quy hoạch				
II	Rà soát khó khăn, vướng mắc trong quá trình áp dụng các quy định của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.				
III	Rà soát khó khăn, vướng mắc trong quá trình áp dụng các quy định của Thông tư số 08/2019/TT-BKHĐT ngày 17/5/2019 hướng dẫn về định mức cho hoạt động quy hoạch và Thông tư số 113/2018/TT-BTC ngày 15/11/2018 quy định về giá trong hoạt động quy hoạch				
IV	Rà soát khó khăn, vướng mắc trong quá trình áp dụng các quy định pháp luật khác và các văn bản chỉ đạo, điều hành có liên quan đến quy hoạch kể từ khi Luật Quy hoạch được ban hành				

Ghi chú: Đề nghị làm rõ các nội dung:

- (1) Nêu những khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân của khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai, thực thi, áp dụng các quy định cụ thể của văn bản quy phạm pháp luật (Nghị định, Thông tư....);
- (2) Kiến nghị sửa đổi bổ sung cụ thể tại điều, khoản, điểm nào của văn bản quy phạm pháp luật;
- (3) Nêu điểm cần chú ý.